

Bản án số: 48/2021/HS-ST  
Ngày: 19 - 7 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Lưu Hồng Hiếu và bà Đặng Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/HSST-QĐ ngày 24/6/2021, đối với bị cáo:

**Trần Thị T**, sinh năm 1976, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và con bà Trần Thị L (*đều đã chết*); có chồng là Hoàng Văn H và 02 con; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 209/2012/HSST ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (*đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích*); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/5/2021; đang tạm giam; có mặt.

**- Bị hại:** Chị Tạ Thị Thúy V, sinh năm: 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Chị Hồ Thị Nh và anh Nguyễn Tiến Th; đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/11/2020, Trần Thị T điều khiển xe mô tô BKS 48B1-554.82, đi đến tiệm tóc Thúy V thuộc tổ dân phố 3, phường Nghĩa

Trung, thành phố Gia Nghĩa để nhuộm tóc nhưng không mang đủ tiền nên T ngồi lại chơi tại quán. Khi đứng dậy về T thấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 để trên kệ phía sau lưng chị V, T đi lại đứng phía sau lưng chị V, lấy điện thoại để vào túi áo khoác rồi đi về nhà. Sau đó, T đến tiệm điện thoại Thuận Phát thuộc tổ dân phố 4, phường Nghĩa Thành do anh Nguyễn Tiến Th, làm chủ để mở khóa điện thoại. Anh Th nói muốn bẻ khóa thì phải gửi lên cửa hàng hãng OPPO tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với giá là 400.000 đồng, thì T đồng ý, để điện thoại lại rồi đi về.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị V đã xem lại Camera phát hiện T là người trộm điện thoại của mình, nên trình báo cơ quan Công an.

Kết luận định giá tài sản số 121/KL-HĐĐG ngày 25/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng Hình sự thành phố Gia Nghĩa, kết luận: Điện thoại nêu trên trị giá 2.420.000 đồng.

**Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:** 01 Điện thoại di động; 01 USB.

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 24/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tân khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng pháp luật và không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

*Việc bồi thường thiệt hại:* Bị hại chị Tạ Thị Thúy V không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

*Việc xử lý vật chứng:* Đề nghị chấp nhận ngày 31/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa trả lại 01 điện thoại di động cho chị Tạ Thị Thúy Vân là chủ sở hữu hợp pháp; lưu hồ sơ 01 USB.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 14/11/2020, lợi dụng sơ hở của chị Tạ Thị Thúy V trong quản lý tài sản, Trần Thị T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động của V; tài sản chiếm đoạt có trị giá 2.420.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Trần Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Mặt khác, bị cáo đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] **Về bồi thường thiệt hại:** Sau khi nhận lại tài sản, bị hại chị Tạ Thị Thúy V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] **Về xử lý vật chứng:** Đối với 01 điện thoại di động Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã trả lại cho chị V là chủ sở hữu hợp pháp, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với 01 USB chứa đoạn Video ghi lại hình ảnh Trần Thị T đến tiệm tóc Thúy V trộm cắp điện thoại cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

**1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.**

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/5/2021.

**2. Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 31/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa trả lại 01 điện thoại di động cho chị Tạ Thị Thúy V là chủ sở hữu hợp pháp.

Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*Đã ký*